

TÂM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC GIAO TIẾP KHẨU NGỮ TRONG DẠY HỌC NGỮ VĂN

HOÀNG MAI DIỄN*

Ngày nhận bài: 12/03/2017; ngày sửa chữa: 15/03/2017; ngày duyệt đăng: 29/03/2017.

Abstract: Oral communication is very important in daily life, but teaching Philology at schools has not paid attention to listening and speaking skills of spoken language. In this article, author analyses importance of training spoken communicative skills for students in teaching philology at schools and points out reasons of ignoring these skills in teaching.

Keywords: Oral communication, Literature and Linguistics, philology.

Giao tiếp khẩu ngữ là quá trình sử dụng lời nói để trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm với mục đích giao tiếp nhất định. Giao tiếp khẩu ngữ là sự kết hợp của tri thức lời nói và kĩ năng giao tiếp. Trong giao tiếp khẩu ngữ, bên cạnh hai kĩ năng cơ bản là nghe, nói còn phải chú ý đối tượng, hoàn cảnh, mục đích, nội dung giao tiếp.

Chương trình giáo dục phổ thông môn *Ngữ văn* hiện nay của Việt Nam có đề cập đến việc rèn luyện đồng bộ 4 kĩ năng *nghe, nói, đọc, viết* cho học sinh (HS). Đó là 4 kĩ năng cơ bản cần bồi dưỡng cho HS trong dạy học *Ngữ văn* ở trường phổ thông. Các kĩ năng đó đều quan trọng như nhau và đều có ảnh hưởng đến nhau (thậm chí nhiều công trình nghiên cứu gần đây còn khẳng định kĩ năng *nghe, nói* quan trọng hơn kĩ năng *đọc, viết*). Tuy nhiên, thực tế dạy học cho thấy vẫn tồn tại tình trạng coi trọng việc rèn luyện kĩ năng *đọc, viết* mà xem nhẹ việc rèn luyện kĩ năng *nghe nói* trong dạy học *Ngữ văn* ở trường phổ thông.

1. Theo một số nhà nghiên cứu về giáo dục ở trong và ngoài nước, việc rèn luyện kĩ năng nghe nói cho HS là một trong những yêu cầu cơ bản của việc bồi dưỡng năng lực giao tiếp khẩu ngữ trong dạy học *Ngữ văn* ở nhà trường phổ thông bởi những *lí do* dưới đây:

Thứ nhất, kĩ năng nghe nói càng ngày càng quan trọng trong thời đại công nghệ thông tin phát triển như hiện nay. Trước đây, ở các cơ quan nhà nước, các thông tin được truyền tải chủ yếu bằng văn bản, những sự việc mang tính quốc gia, quốc tế đều phải thông qua văn bản, ngày nay có thể thay thế một phần bằng lời nói thông qua điện đàm. Lợi ích của phương thức này là có thể truyền đi những thông tin chính xác và biết rõ ngay được phản ứng của đối phương để có cách xử lí kịp thời. Do đó, nhiều khi hiệu quả công việc được cải thiện rõ ràng.

Thứ hai, kĩ năng nghe nói có mối quan hệ chặt chẽ với năng lực tư duy. Lời nói là một trong những cơ sở để rèn luyện tư duy. Việc rèn luyện kĩ năng nghe nói không chỉ giúp HS phát triển ngôn ngữ mà còn khơi dậy tư duy tích cực, ứng biến nhanh nhẹn và hiệu quả trong giao tiếp. Nhiều nhà ngôn ngữ học cho rằng sự phát triển trí tuệ của con người phần lớn phụ thuộc vào năng lực ngôn ngữ của người đó. Các thông tin truyền tải bằng lời nói có đặc điểm lớn nhất là lướt qua nhanh nên đòi hỏi việc thu nhận, mã hóa, lưu trữ, phân tích, chuyển đổi thông tin nhanh hơn và cao hơn. Như vậy, có thể khẳng định, bồi dưỡng năng lực ngôn ngữ, đặc biệt là rèn luyện kĩ năng nghe nói có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển trí tuệ.

Thứ ba, kĩ năng nghe, nói có quan hệ chặt chẽ với năng lực *Ngữ văn*. Lời nói chính là cơ sở của chữ viết, là nền tảng của đọc hiểu. Nghe, nói, đọc, viết có sự liên kết chặt chẽ, thâm nhập lẫn nhau. Nghe và đọc thuộc về phạm trù tiếp nhận, nói và viết thuộc phạm trù biểu đạt. Tăng cường rèn luyện kĩ năng nghe nói góp phần nâng cao năng lực đọc viết. Hơn nữa lời nói là sự biểu đạt những suy nghĩ, là quá trình nhanh chóng chuyển từ tư duy thành lời nói. Để biểu đạt được lời nói, trước tiên cần phải có tư tưởng rõ ràng, sau đó lựa chọn từ ngữ thích hợp tạo thành một câu nhất định rồi thông qua thanh quản chuyển thành lời nói. Đồng thời, dựa vào phản ứng của người nghe để điều chỉnh nội dung của cuộc giao tiếp. Đối với nghe thì cần phải nghe rõ được ý kiến của đối phương và phải có khả năng nhận thức sắc bén và kĩ năng tư duy, bình luận. Lời nói thoáng qua rất nhanh, người nghe cần phải vừa nghe vừa ghi nhớ vừa cẩn thận tiến hành phân tích, tổng hợp và sau đó đưa ra nhận xét. Có thể thấy rằng khả năng tư duy là yếu tố cơ bản của năng lực nghe nói,

* Bộ Giáo dục và Đào tạo

năng lực tổ chức câu và năng lực phản ứng. Nói cách khác, bồi dưỡng năng lực nghe nói cũng chính là rèn luyện tổng thể năng lực ngôn ngữ.

Thứ tư, kĩ năng nghe, nói có quan hệ với năng lực thẩm mĩ. Ngữ văn là môn học có tính nhân văn. Trong đó, một trong những tính năng nổi bật nhất của môn Ngữ văn là chức năng thẩm mĩ. Để cho HS cảm thụ được cái đẹp và thưởng thức cái đẹp trong tác phẩm văn chương thì giáo viên (GV) phải thường xuyên tạo ra những tình huống dạy học để cho HS cảm hóa được tác phẩm. Một trong những cách đơn giản và hiệu quả là chú ý đến việc bồi dưỡng năng lực nghe, nói. Ví dụ như thông qua băng ghi âm hoặc là nghe GV đọc HS đọc theo, đặc biệt là phổ nhạc cho bài đọc, để lưu lại ấn tượng, tạo ra cảnh tượng cho HS có những liên tưởng, tưởng tượng, và có được cảm hứng thẩm mĩ. Thông qua miêu tả, bình luận, HS có những tình cảm và suy nghĩ sâu sắc đối với xã hội, đối với nhân sinh, phát huy được tính thẩm mĩ một cách trọn vẹn.

Thứ năm, một số điều tra thực tế ở nước ngoài về việc sử dụng ngôn ngữ trong cuộc sống, làm việc hàng ngày phát hiện ra rằng nghe chiếm 45%, nói chiếm 30%, đọc chiếm 16% và viết chỉ chiếm 9%. Nghe và nói chiếm đến 75%, đọc và viết chiếm 25%. Điều này có nghĩa là thông tin liên lạc giữa con người chủ yếu dựa vào nghe và nói.

2. Như vậy, chúng ta có thể thấy được tầm quan trọng của nghe, nói trong cuộc sống, làm việc hiện nay. Nhưng tại sao việc dạy học trong nhà trường vẫn chưa thực sự chú trọng việc bồi dưỡng hai năng lực này để hướng tới phát triển năng lực giao tiếp khẩu ngữ cho HS. *Nguyên nhân* nào dẫn đến việc dạy học Ngữ văn chưa chú trọng đến việc bồi dưỡng năng lực nghe nói cho HS.

Thứ nhất phải nói đến là do ảnh hưởng của phương pháp dạy học Ngữ văn truyền thống. GV chỉ thường chú ý đến việc bồi dưỡng kĩ năng viết, phần lớn bỏ qua năng lực phản ứng bằng lời nói. Nội dung chương trình và mô hình dạy học này đến ngày nay vẫn lưu lại những ảnh hưởng sâu sắc.

Thứ hai là phạm vi nội dung thi chưa bao gồm nghe và nói. Kiểm tra, thi đối với HS có vai trò rất quan trọng. Đa phần GV cố gắng dạy những nội dung gần giống với đề thi. Do vậy, việc dạy học ở trường cũng tự nhiên sẽ có xu hướng coi trọng phần đọc viết và xem nhẹ phần nghe nói.

Thứ ba, GV chưa nhận thức đúng đối với việc hình thành năng lực biểu đạt khẩu ngữ cho HS. Nhiều GV cho rằng việc hình thành năng lực nói là điều tự nhiên.

Một con người chỉ cần có giác quan, thính giác, trí tuệ và nói bình thường là được. Họ có thể sử dụng ngôn ngữ hàng ngày để thể hiện cảm xúc. Do đó, đã có sự nhầm lẫn cho rằng nghe, nói không cần phải bồi dưỡng, rèn luyện. Họ thường đưa ra những ví dụ chứng minh như là “đối với những người mù chữ chưa từng được tiếp xúc với giáo dục không phải họ vẫn có thể dùng tiếng mẹ đẻ để diễn đạt tư tưởng của họ hay sao?”. Do một số GV không tin vào tác dụng dạy học nghe nói nên họ không quan tâm đến thiết kế hệ thống hoạt động dạy học nghe và nói mà hoàn toàn dồn hết tâm trí vào thiết kế các hoạt động dạy học đọc và viết.

Thứ tư, lí luận phương pháp và nguyên tắc rèn luyện năng lực nghe nói vẫn chưa được nghiên cứu và phát triển thực sự đầy đủ. Việc dạy học Ngữ văn vẫn thường dựa vào kinh nghiệm, cảm tính là chính. GV thiết kế chương trình dạy học dựa vào nghiên cứu phản ứng tâm lí của HS trong quá trình học tập ngôn ngữ. Trong dạy học nghe nói, việc đảm bảo giữa mục tiêu đào tạo và thứ tự các hoạt động dạy học, làm thế nào giải quyết hiện tượng HS không diễn đạt được tư tưởng bằng lời, làm thế nào để sắp xếp hợp lí hoạt động kiểm tra năng lực... theo chúng tôi vẫn còn thiếu hoặc yếu về tính tổ chức và hệ thống.

Thứ năm, mục tiêu dạy học nghe nói trong chương trình môn Ngữ văn chưa rõ ràng. Về lí thuyết, năng lực nói bao gồm 2 phương diện là phong cách nói hàng ngày và phong cách nói trước công chúng. Hiện nay trọng tâm của chương trình dạy học “nói” tập trung về phương diện nói trước công chúng như là diễn thuyết, biện luận, báo cáo, bản tóm tắt... nhưng mà xem từ góc độ ứng dụng học thì nhu cầu rèn luyện phong cách giao tiếp hàng ngày lớn hơn. Tất nhiên chúng ta có thể giải thích được các chương trình giảng dạy bậc trung học tập trung vào phong cách nói trước công chúng, bởi lẽ việc rèn luyện phong cách giao tiếp hàng ngày đã được hoàn thành ở giai đoạn tiểu học. Tuy nhiên, hiện tượng HS phổ thông hiện nay vẫn không diễn đạt được từ ngữ trong giao tiếp hàng ngày vẫn diễn ra khá phổ biến. Hơn nữa chúng ta cần hiểu rằng những HS không cùng tuổi tác và thời đại thì những phương thức giao tiếp cũng không giống nhau. Trong thời đại kĩ nguyên số như hiện nay, phương thức sử dụng ngôn ngữ cũng không ngừng thay đổi. Do vậy, để giúp cho HS có thể học để mà vận dụng trong giao tiếp hàng ngày thì chúng ta phải rèn luyện cho HS theo phương pháp phù hợp tương ứng. Trong các khóa học rèn luyện nói cho HS trung học GV cần tạo cho HS có cơ hội thực hành nhiều lần. Mục tiêu bồi dưỡng năng lực nói hiện nay chưa đáp ứng được nhu

cầu của người học, cho nên dẫn đến việc các GV không biết thiết kế hoạt động dạy nói như thế nào cho phù hợp.

Thứ sáu là HS còn coi nhẹ các giờ học nghe nói. Thông qua các bài giảng trong trường học và giao tiếp với HS chúng tôi thấy rằng, thông thường các HS đều cho rằng mỗi ngày bản thân họ đều sử dụng tiếng mẹ đẻ, vận dụng ngôn ngữ nói để diễn đạt cảm xúc và suy nghĩ nên hoàn toàn không có vấn đề gì. Có tâm lí cho rằng thời gian quý báu ở trên lớp mà giành cho việc học nghe và nói là một sự lãng phí thời gian. Ngoài ra, để hình thành được khả năng nghe và nói, không phải chỉ trong một sớm một chiều. HS thường cho rằng luyện tập nghe nói ở trên lớp kết quả đạt được không cao. Do vậy, các em không chăm chỉ tham gia các hoạt động ở trên lớp.

Thứ bảy là tài liệu dạy học nghe nói còn thiếu. Những tài liệu này không giống với tài liệu dạy học đọc và viết có thể dễ dàng mua ở ngoài hiệu sách. Để tiến hành dạy học nghe nói, GV hiện nay cần phải tự mình thiết kế nội dung dạy học, thu thập, xử lí, thiết tài liệu dạy học, chuẩn bị tài liệu bằng băng ghi âm thậm chí là cả video. Và hơn nữa ở trong phòng học cũng cần phải có đầy đủ các thiết bị để phát các tài liệu đã ghi âm hoặc ghi hình đó. Đây cũng là những vấn đề thực tế và là trở ngại lớn đối với GV khi triển khai dạy học nghe nói.

Tóm lại, trên cơ sở phân tích những nguyên nhân dẫn đến việc chưa chú ý bồi dưỡng kĩ năng nghe nói trong dạy học Ngữ văn cũng như tầm quan trọng của việc dạy học giao tiếp khẩu ngữ, chúng tôi mong muốn và đề xuất chương trình giáo dục Ngữ văn mới từ năm 2018 của Việt Nam sẽ hướng đến việc phát triển toàn diện năng lực của người học; bên cạnh năng lực đọc hiểu, làm văn, cần chú ý hơn nữa năng lực giao tiếp khẩu ngữ của HS. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2006). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Nghệ Văn Cẩm (2006). *Chương trình và phương pháp luận dạy học môn Ngữ văn mới*. NXB Đại học Sư phạm Hoa Đông, Trung Quốc.
- [3] Lưu Chính Vĩ (2008). *So sánh phương pháp và chương trình Ngữ văn quốc tế*. NXB Đại học Chiết Giang, Trung Quốc.
- [4] Appleman, Deborah (2000). *Critical Encounters in High School English: Teaching Literary Theory to Adolescents*. New York: Teachers College Press.
- [5] Liesveld, Rosanne, JoAnn Miller, and Jennifer Robison (2005). *Teach with Your Strengths: How Great Teachers Inspire Their Students*. New York: Gallup Press.

Thách thức của học trực tuyến..

(Tiếp theo trang 79)

chất phù hợp cho HTTTT. Ở giai đoạn đầu, HTTTT nên được rút lại dưới dạng học tập tích hợp (blended learning), kết hợp ứng dụng CNTT với học tập “mặt đối mặt” để SV có thời gian thích nghi dạng thức học tập mới. Về lâu dài, cần có các giải pháp cụ thể, hệ thống để tăng cường kĩ năng số và năng lực tự chủ của SV. Ngoài ra, cần chú ý đến cách thiết kế, tiến hành và kiểm tra, đánh giá khoá học trực tuyến, với mục tiêu cuối cùng là xây dựng tổ chức học tập chuyên nghiệp; một hệ thống học tập hợp tác, luôn tự đánh giá và đổi mới; trong đó, nhà quản lí, GV, SV và các bên liên quan đều hướng tới một mục tiêu chung, đó là sự phát triển toàn diện, học tập tự chủ và suốt đời của SV. □

Tài liệu tham khảo

- [1] N. Selwyn (2013). *Distrusting educational technology: critical questions for changing times*. New York: Routledge.
- [2] J.D. London (2011). *Education in Vietnam: Historical roots, recent trends*. In J. D. London (Ed.), *Education in Vietnam* (pp. 1-56). Pasir Panjang, Singapore: ISEAS Publishing.
- [3] D. Kember (2007). *Reconsidering open & distance learning in the developing world: meeting students' learning needs*. New York: Routledge.
- [4] P. M. Nguyễn - C. Terlouw - A. Pilot (2005). *Cooperative learning vs Confucian heritage culture's collectivism: confrontation to reveal some cultural conflicts and mismatch*. Asia Europe Journal, 3, 403-419. doi: 10.1007/s10308-005-0008-4.
- [5] T. T. Đặng (2012). *Learner autonomy perception and performance: a study on Vietnamese students in online and offline learning environments*. (Doctoral dissertation). La Trobe University.
- [6] C. Ames (1992). *Classrooms: Goals, Structures, and Student Motivation*. Journal of Educational Psychology.
- [7] C. Haythornthwaite - R. Andrews (2011). *E-learning Theory & Practice*. London: SAGE.
- [8] T. H. T. Phạm - P. Renshaw (2014). *Formative assessment in Confucian heritage culture classrooms: activity theory analysis of tensions, contradictions and hybrid practices*. Assessment & Evaluation in Higher education.
- [9] T. M. Nguyễn (2012). *Exploring the possibilities of employing blogs in teaching and learning EFL writing: case study at a Vietnamese university* (Master's thesis). Monash University, Melbourne, Victoria, Australia.
- [10] N. McPherson - M. B. Nunes (2004). *The failure of a virtual social space (VSS) designed to create a learning community: lesson learned*. British Journal of Educational Technology, 35 (3), 305-321.